Người ký: Sở Tư pháp
Email: stphap@ninhbinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Ninh Bình
Thời gian ký: 27.12.2018 09:44:04 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39/2018/NQ-HĐND	*Ninh Bình, ngày 12 tháng 12 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019 - 2020

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH
ĐẾN Số: 3811
Ngày 25/12/2018
Chuyển

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tại Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 20/11/2018 về việc đề nghị ban hành chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2019-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình với nội dung, điều kiện, đối tượng, nguyên tắc áp dụng như sau:

1. Nội dung chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ xây dựng, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng

dụng công nghệ cao;

b) Hỗ trợ thí điểm phát triển nông nghiệp hữu cơ, theo hướng hữu cơ;

c) Hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

d) Hỗ trợ phát triển kinh tế gia trại, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao;

đ) Hỗ trợ tạo lập, duy trì, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý;

e) Các hỗ trợ khác.

(Các chính sách hỗ trợ cụ thể thực hiện theo Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này).

2. Điều kiện và đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ

Thực hiện theo Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ

Đối tượng đáp ứng đủ điều kiện của từng nội dung hỗ trợ thì được hưởng chính sách hỗ trợ của nội dung đó.

Điều 2. Nguồn kinh phí

1. Tổng kinh phí thực hiện

a) Năm 2019: 56 tỷ đồng;

b) Năm 2020: 72 tỷ đồng.

(Chi tiết thực hiện theo Phụ biểu số 02 kèm theo Nghị quyết này).

Từ năm 2021, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí trình HĐND tỉnh thực hiện Nghị quyết này.

2. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ được lấy từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12/12/2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình về phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững tỉnh Ninh Bình đến năm 2020.

Đối với kinh phí năm 2018 đã bố trí thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình nhưng chưa sử dụng hết được chuyển sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP HDND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Ban Thường vụ các huyện, thành ủy;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, Phòng TH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Trần Hồng Quảng



Phụ biểu số 01

DANH MỤC CÁC CHÍNH SÁCH

hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 39 /2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình)

TT	Nội dung hỗ trợ	Điều kiện hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Đối tượng được hỗ trợ
I	**Hỗ trợ xây dựng, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao**			
I.1	**Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng trong vùng sản xuất**			
1	Hỗ trợ áp dụng giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong vùng sản xuất	Các vùng sản xuất đạt quy mô: - Lúa đặc sản, chất lượng cao: từ 50 ha tập trung trở lên; - Rau-củ-quả, cây dược liệu, cây hoa, cây cảnh từ 10 ha trở lên; - Cây ăn quả: từ 10 ha trở lên; - Cây bùi kỳ lão: từ 10 ha trở lên.	- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí san phẳng đồng ruộng, cải tạo mặt bằng vùng sản xuất; mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha; - Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.	Tổ chức thủy lợi cơ sở và cá nhân là thành viên tổ chức thủy lợi cơ sở
2	Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp kênh mương, cống trong vùng sản xuất	Các vùng sản xuất đạt quy mô: - Lúa đặc sản, chất lượng cao: từ 50 ha tập trung trở lên; - Rau-củ-quả, cây dược liệu, cây hoa, cây cảnh từ 10 ha trở lên; - Cây ăn quả: từ 10 ha trở lên; - Nuôi trồng thủy sản từ 20 ha trở lên.	Hỗ trợ tối đa 50% tổng chi phí đầu tư nâng cấp, cải tạo; mức hỗ trợ tối đa không quá 600 triệu đồng/km	Như mục 1

3	Hỗ trợ hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao	Diện tích nuôi tối thiểu từ 2 ha trở lên	Hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/ha cải tạo hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường; mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án	Doanh nghiệp có dự án
4	Hỗ trợ hạ tầng nuôi trồng thủy sản thâm canh	Diện tích nuôi tối thiểu từ 5 ha trở lên	Hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/ha cải tạo hạ tầng, cấp nước, thoát nước, xử lý môi trường; mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án	Doanh nghiệp có dự án
I.2	**Hỗ trợ phát triển sản xuất trong vùng**			
1	Sản xuất trồng trọt đảm bảo an toàn thực phẩm	Diện tích sản xuất đạt quy mô: - Lúa đặc sản, chất lượng cao: từ 10 ha tập trung trở lên; - Rau củ-quả, cây dược liệu, cây hoa, cây cảnh: Từ 5 ha trở lên, trong đó có quy mô tập trung từ 1 ha trở lên - Cây ăn quả: Từ 5 ha trở lên, trong đó có quy mô tập trung từ 1 ha trở lên	- Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; Trong đó: + Lúa đặc sản, chất lượng cao: mức hỗ trợ tối đa không quá 6 triệu đồng/ha; + Rau-củ-quả: mức hỗ trợ tối đa không quá 12 triệu đồng/ha + Cây ăn quả, cây dược liệu, cây hoa, cây cảnh, cây ăn quả: mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/ha. - Hỗ trợ 40% kinh phí ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm, nhà màng, nhà lưới, trong đó: + Lúa đặc sản, chất lượng cao: mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/ha; + Rau-củ-quả, cây dược liệu, cây hoa, cây cảnh, cây ăn quả: mức hỗ trợ tối đa không quá 1.000 triệu đồng/ha.	Doanh nghiệp, HTX THT
2	Nuôi trồng thủy sản thâm canh	Quy mô từ 5 ha trở lên, trong đó có quy mô tập trung từ 2 ha trở lên	- Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, thức ăn, thuốc phòng trừ bệnh; mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/ha; - Hỗ trợ 40% kinh phí ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản: mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/ha.	Doanh nghiệp, HTX THT

3	Chăn nuôi an toàn dịch bệnh	Cơ sở chăn nuôi đáp ứng tiêu chí trang trại theo quy định hiện hành, với quy mô đàn thường xuyên trong năm đạt: Gia cầm: từ 15.000 gà đẻ trứng; 30.000 gà thịt; Lợn ngoại: từ 1.500 nái, 15.000 lợn thịt .	- Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, thức ăn 1 tháng đầu, thuốc phòng trừ bệnh; thiết bị, chuồng trại; - Hỗ trợ 40% kinh phí ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi; - Hỗ trợ 100% kinh phí chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh; Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 700 triệu đồng/dự án.	Doanh nghiệp, HTX THT
4	Phát triển vùng cây bùi kỳ lão kết hợp nâng cao hiệu quả đất rừng	Quy mô từ 10 ha trở lên	- Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống; - Hỗ trợ 30% phân bón, thuốc bảo vệ thực vật năm đầu tiên; - Hỗ trợ 40% kinh phí ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm; Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 1.000 triệu đồng/dự án.	Doanh nghiệp, HTX THT
II	**Hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, theo hướng hữu cơ**			
1	Hỗ trợ sản xuất vật tư đầu vào hữu cơ *(phân bón, chế phẩm sinh học, thuốc bảo vệ thực vật)*	Quy mô tối thiểu từ 5000 m2 trở lên; Theo kế hoạch/dự án được UBND tỉnh phê duyệt	Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư hạ tầng, thiết bị và chuyển giao công nghệ; mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án	Doanh nghiệp
2	Hỗ trợ cải tạo nâng cao chất lượng đất sản xuất nông nghiệp	Quy mô từ 50 ha trở lên; Theo phương án, dự toán được UBND tỉnh phê duyệt	Hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha đối với đất chuyên trồng lúa nước; Hỗ trợ 500.000 đồng/ha đối với đất trồng lúa khác, đất mầu, đất trồng cây lâu năm để cải tạo, nâng cao chất lượng đất bằng phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh	Doanh nghiệp, HTX, THT, hộ gia đình
3	Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ	Theo kế hoạch/dự án được UBND tỉnh phê duyệt	Hỗ trợ 100% kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ	Doanh nghiệp, HTX, THT, hộ gia đình
4	Chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ		Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp lần đầu	Doanh nghiệp, HTX, THT, hộ gia đình

5	Sản xuất lúa hữu cơ, theo hướng hữu cơ	Lúa đặc sản, chất lượng cao: từ 5 ha tập trung trở lên	- Hỗ trợ 50% kinh phí cải tạo mặt bằng, mua giống; - Hỗ trợ 100% kinh phí mua phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ. Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/ha	Doanh nghiệp, HTX THT, hộ gia đình
6	Hỗ trợ sản xuất rau hữu cơ, theo hướng hữu cơ	Từ 2 ha trở lên, trong đó có quy mô tập trung từ 5000m2 trở lên	- Hỗ trợ 50% mua giống, 100% kinh phí mua phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ; mức hỗ trợ tối đa: 25 triệu đồng/ha - Hỗ trợ 40% kinh phí ứng dụng công nghệ cao; mức hỗ trợ tối đa không quá 1.000 triệu đồng/ha	Doanh nghiệp, HTX THT, hộ gia đình
7	Hỗ trợ chăn nuôi hữu cơ	Cơ sở chăn nuôi đáp ứng tiêu chí trang trại theo quy định hiện hành, với quy mô đàn thường xuyên trong năm đạt từ 1000 lợn nái, hoặc 10.000 lợn thịt; hoặc 10.000 gà đẻ trứng, hoặc 20.000 gà thịt	- Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, thiết bị; - Hỗ trợ 100% kinh phí mua thức ăn hữu cơ, thuốc thú y sinh học, chế phẩm sinh học; - Hỗ trợ 40% kinh phí ứng dụng công nghệ cao. Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 600 triệu đồng/dự án	Doanh nghiệp, HTX THT, hộ gia đình
III	**Hỗ trợ phát triển kinh tế gia trại, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao**			
1	Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa hoặc đất trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	Quy mô chuyển đổi từ 5 ha trở lên đối với trồng trọt, thủy sản	Hỗ trợ 30% chi phí chuyển đổi, đã bao gồm chi phí cải tạo mặt bằng và thực hiện các giải pháp hỗ trợ khác như thủy lợi, ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ cao; mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án	Doanh nghiệp, HTX THT, gia trại, trang trại
2	Hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp *(danh mục máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp theo quy định)*	Mua sắm máy móc, thiết bị nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp; ưu tiên cấy lúa, sơ chế, sấy, bảo quản nông sản	Hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị; mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/máy.	Doanh nghiệp, HTX THT, trang trại, gia trại

3	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao *(ngoài vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao đã được UBND tỉnh phê duyệt)*	- Rau an toàn: Từ 2 ha trở lên, trong đó có quy mô tập trung từ 5000m2 trở lên - Cây dược liệu: từ 1 ha tập trung trở lên - Cây ăn quả, cây hoa, cây cảnh: Từ 1 ha trở lên, trong đó có quy mô tập trung từ 5000m2 trở lên - Nuôi trồng thủy sản từ 2 ha trở lên, trong đó quy mô tập trung từ 5000m2 trở lên - Lâm nghiệp: từ 2 ha tập trung trở lên; - Chăn nuôi: theo tiêu chí trang trại chăn nuôi hiện hành	- Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, thiết bị; - Hỗ trợ 30% kinh phí mua phân bón, thức ăn, thuốc phòng trừ bệnh; - Hỗ trợ 40% kinh phí ứng dụng công nghệ cao; Tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/dự án	Doanh nghiệp, HTX THT, trang trại, gia trại
IV	**Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp và phát triển nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nông nghiệp** Theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của HĐND tỉnh			
V	**Hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp**			
1	Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết	- Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được UBND tỉnh phê duyệt đạt quy mô: + Lúa đặc sản, chất lượng cao: từ 50 ha trở lên; + Rau-củ-quả, cây dược liệu từ 10 ha trở lên; + Cây ăn quả: từ 10 ha trở lên; + Nuôi trồng thủy sản từ 20 ha trở lên. - Thời gian liên kết tối thiểu là 3 năm đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 1 năm; tối thiểu 5 năm đối với sản phẩm có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 1 năm trở lên	Mức hỗ trợ tối đa 30% kinh phí đầu tư trang thiết bị, xây dựng, cải tạo, nâng cấp hạ tầng phục vụ liên kết và không quá 7 tỷ đồng/dự án	Doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân tham gia liên kết

2	Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất	- Lúa: từ 5 ha tập trung trở lên - Rau an toàn: Từ 2 ha trở lên, trong đó có quy mô tập trung từ 5000m2 trở lên - Cây dược liệu: từ 1 ha tập trung trở lên - Cây ăn quả: Từ 1 ha trở lên, trong đó có quy mô tập trung từ 5000m2 trở lên - Nuôi trồng thủy sản từ 2 ha trở lên, trong đó quy mô tập trung từ 5000m2 trở lên - Lâm nghiệp: từ 2 ha tập trung trở lên; - Chăn nuôi: theo tiêu chí trang trại chăn nuôi hiện hành	- Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, phân bón, thức ăn, thuốc phòng trừ bệnh, mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/vụ, chu kỳ sản xuất.	Doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân tham gia liên kết
3	Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết	Hỗ trợ một lần chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nghiên cứu, tư vấn, xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường)	Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn xây dựng liên kết; mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.	Doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân tham gia liên kết
4	Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật, quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi	Hỗ trợ một lần	Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi; mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/dự án	Doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân tham gia liên kết

VI	**Các hỗ trợ khác**			
1	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm	Hỗ trợ xây dựng bể chứa thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã sử dụng cho diện tích đất lúa, mầu có quy mô tập trung từ 20 ha trở lên, với định mức tối thiểu 01 bể chứa thể tích $1m^3$/3 ha đất canh tác cây hàng năm hoặc 01 bể chứa thể tích $1m^3$/10 ha đất canh tác cây lâu năm.	- Hỗ trợ 1 lần 50% kinh phí chứng nhận sản phẩm/cơ sở sản xuất đảm bảo an toàn, theo tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam; mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng; - Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng bể chứa để thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã sử dụng; mức hỗ trợ tối đa 01 triệu đồng/bể; - Hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền, tập huấn về sản xuất nông nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm.	Doanh nghiệp, HTX THT, trang trại, gia trại
2	Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản	Sản xuất giống cây, con chủ lực, đặc sản của tỉnh	Hỗ trợ 1 lần không quá 50% chi phí sản xuất giống gốc, giống đầu dòng, giống ông bà, giống bố mẹ; Hỗ trợ 1 lần không quá 30% chi phí sản xuất giống lai đối với giống cần khuyến khích, phát triển; Mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án	Doanh nghiệp có dự án
3	Hỗ trợ bảo quản, nông sản	Cơ sở bảo quản có công suất sấy nông sản, lâm sản tối thiểu 50 tấn/ngày; sấy phụ phẩm thủy sản tối thiểu 30 tấn/ngày	Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư; mức hỗ trợ tối đa không quá 1 tỷ đồng/dự án	Doanh nghiệp, HTX
4	Hỗ trợ lãi suất vay vốn thương mại để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ, theo chuỗi giá trị	Hỗ trợ theo hướng dẫn cụ thể do UBND tỉnh quy định.	Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn thương mại hai năm đầu và 50% lãi suất vay vốn thương mại năm thứ ba, đối với 70% hạn mức vay vốn để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, gồm cả dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; Tổng mức hỗ trợ lãi suất vay vốn không quá 1 tỷ đồng/dự án	Doanh nghiệp, HTX THT, trang trại, gia trại

5	Hỗ trợ xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nông sản		Hỗ trợ 50% chi phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước và nước ngoài (thuê gian hàng, vận chuyển hàng hóa triển lãm, ...); mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/lần tham gia	Doanh nghiệp, HTX THT, trang trại, gia trại
6	Hỗ trợ tư vấn tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp, chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao	Hỗ trợ 1 lần	Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp; chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án, doanh nghiệp	Doanh nghiệp, HTX THT, trang trại, gia trại
7	Đào tạo nguồn nhân lực	Đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nông nghiệp cơ sở khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y; năng lực cán bộ quản lý Liên hiệp HTX, HTX, THT	Cấp 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, theo quy định của nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	

Phụ biểu số 02

KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 39 /2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng kinh phí hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ năm 2019	Kinh phí hỗ trợ năm 2020
	Tổng kinh phí hỗ trợ *(nguồn SNKT ngân sách tỉnh)*	**128.000**	**56.000**	**72.000**
I	Hỗ trợ xây dựng, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất gắn với tiêu thụ, liên kết theo chuỗi giá trị	65.000	30.000	35.000
II	Hỗ trợ thí điểm phát triển nông nghiệp hữu cơ, theo hướng hữu cơ	14.000	6.000	8.000
III	Hỗ trợ phát triển kinh tế gia trại, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất gắn với tiêu thụ, liên kết theo chuỗi giá trị	10.000	5.000	5.000
IV	Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp và phát triển nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nông nghiệp *(thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của HĐND tỉnh)*	4.000	2.000	2.000
V	Hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	12.000	4.000	8.000
V	Các nhiệm vụ hỗ trợ khác	23.000	9.000	14.000
1	Đào tạo nguồn nhân lực	600	300	300
2	Hỗ trợ lãi suất vay vốn thương mại	6.000	2.000	4.000
3	Hỗ trợ xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nông sản; sản xuất đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; bảo quản nông sản, sản xuất giống cây trồng, con nuôi, giống thủy sản	14.000	6.000	8.000
4	Hỗ trợ tư vấn tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp, công nhận doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao	2.000	500	1.500
5	Kinh phí tuyên truyền, tổ chức triển khai Nghị quyết	400	200	200